TÒA ÁN NHÂN DÂN
TP. BUÔN MA THUỘT
TỈNH ĐẮK LẮK
Bản án số: 159/2017/HNGĐ-ST
Ngày: 22/9/2017
"V/v: Ly hôn".

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BUÔN MA THUỘT, TỈNH ĐẮK LẮK

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Thị Diễm Hương.

- Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Võ Quang Hân.

2. Ông Nguyễn Văn Hạnh.

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Đặng Thị Thúy Hiền- Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.

Ngày 22 tháng 9 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 583/2017/TLST- HNGĐ ngày 14 tháng 6 năm 2017 về việc "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 152/2017/QĐXXST- HNGĐ ngày 21 tháng 8 năm 2017 và Quyết định hoãn phiên tòa số 118/2017/QĐST- HNGĐ ngày 06 tháng 9 năm 2017, giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn*:*** Ông Mai Văn Đ - Sinh năm 1972 (Có mặt).

*** Bị đơn:** Bà Vũ Thị T- Sinh năm 1977 (Vắng mặt)

Cùng địa chỉ: Tổ dân phố A, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Tại đơn khởi kiện, bản tự khai và tại phiên tòa, nguyên đơn ông Mai Văn Đ trình bày có nội dung:**

Ông Mai Văn Đ và bà Vũ Thị T tự nguyện chung sống với nhau từ năm 1999, tuy nhiên vợ chồng mới đăng ký kết hôn vào năm 2009. Quá trình chung sống vợ chồng có 02 con chung: Mai Vũ Lan A, sinh ngày 26/10/2000 và Mai Anh K, sinh ngày 16/8/2009.

Quá trình chung sống đến năm 2012 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân chủ yếu do bà T không lo chăm sóc, vun vén cho gia đình mà thường xuyên vay mượn tiền bên ngoài làm việc gì cũng không cho chồng con biết, dẫn đến nợ nần chồng chất, vợ chồng nhiều lần phải bán tài sản để trả nợ. Vì vậy vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, cãi vã, xúc phạm nhau. Vợ chồng đã cố gắng khắc phục nhưng vẫn không có kết

quả nên đã sống ly thân từ tháng 01/2017 đến nay.

Nay xét thấy không còn tình cảm, không thể tiếp tục chung sống nên ông Đ yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với bà Vũ Thị T.

Về con chung: Ông Đ có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng các con chung là Mai Vũ Lan A, Mai Anh K đến tuổi trưởng thành.

Vấn đề cấp dưỡng nuôi con chung tạm thời không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung: Vợ chồng không có tài sản chung gì nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn bà Vũ Thị T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng bà T vẫn không đến Tòa án làm việc nên không tiến hành lấy lời khai của bà T và cũng không tiến hành hòa giải được.

Tại phiên tòa, ông Mai Văn Đ vẫn giữ nguyên yêu cầu như đã trình bày.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

- Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Nguyên đơn ông Mai Văn Đ có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với bị đơn bà Vũ Thị T, địa chỉ tại tổ dân phố A, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk; đây là vụ án tranh chấp hôn nhân và gia đình về việc "Ly hôn" thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về thủ tục tố tụng: Xét thấy bị đơn bà Vũ Thị T đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai mà vẫn vắng mặt nên Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt bị đơn là phù hợp với quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Mai Văn Đ và bà Vũ Thị T tự nguyện chung sống với nhau từ năm 1999, năm 2009 vợ chồng có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk; đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Quá trình duy trì hôn nhân, vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vã, bất đồng. Nguyên nhân chủ yếu là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống và bất đồng trong vấn đề kinh tế gia đình. Mâu thuẫn vợ chồng phát sinh đã lâu, căng thẳng kéo dài từ năm 2012 và ngày càng trầm trọng, vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 01/2017 đến nay. Nay xác định vợ chồng không thể tiếp tục chung sống nên ông Đ có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với bà Vũ Thị T.

Kết quả xác minh tại địa phương thể hiện mâu thuẫn vợ chồng ông Đ, bà T phát sinh đã lâu, tình trạng trầm trọng và kéo dài đến nay. Điều này chứng tỏ hôn nhân giữa ông Đ, bà T đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục

đích của hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận nguyện vọng ly hôn của ông Mai Văn Đ là phù hợp với quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

- Về con chung: Ông Mai Văn Đ có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng các con chung là Mai Vũ Lan A, sinh ngày 26 tháng 10 năm 2000; Mai Anh K, sinh ngày 16/8/2009 đến tuổi trưởng thành; Xét thấy, các con chung đều có nguyện vọng được ở với bố; do đó vì quyền lợi cũng như đảm bảo sự phát triển tâm sinh lý của trẻ, cần giao các con chung là Mai Vũ Lan A, sinh ngày 26 tháng 10 năm 2000; Mai Anh K, sinh ngày 16/8/2009 cho ông Mai Văn Đ được trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình.

- Vấn đề cấp dưỡng nuôi con chung: Ông Đ không đặt ra yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bà Vũ Thị T có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung mà không ai được cản trở.

- Về tài sản chung: Ông Mai Văn Đ không đặt ra yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về án phí: Ông Mai Văn Đ phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147; Điều 220; điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 266; Điều 271 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

- Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án, ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện giải quyết ly hôn của ông Mai Văn Đ đối với bà Vũ Thị T.

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Mai Văn Đ được ly hôn với bà Vũ Thị T.

- Về con chung: Giao các con chung là Mai Vũ Lan A, sinh ngày 26 tháng 10 năm 2000; Mai Anh K, sinh ngày 16/8/2009 cho ông Mai Văn Đ được trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành

- Vấn đề cấp dưỡng nuôi con chung: Ông Đ không đặt ra yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bà Vũ Thị T có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung mà không ai được cản trở.

- Về tài sản chung: Ông Mai Văn Đ không đặt ra yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về án phí: Ông Mai Văn Đ phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí mà ông Mai Văn Đ đã nộp theo biên lai thu số AA/2016/0000579 ngày 07 tháng 6 năm 2017 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

Nguyên đơn ông Mai Văn Đ được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ tuyên án.

Bị đơn bà Vũ Thị T được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thị hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi ành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND TP. BMT;
- Thi hành án dân sự TP. BMT;
- UBND P. Tự An;
- Các đương sự;
- Lưu HS;
- Lưu VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đỗ Thị Diễm Hương